

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/DSST
Ngày: 15/5/2025
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh;
- Bà Nguyễn Thùy Trang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Cao Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số **61/2025/QĐST-DS ngày 5/5/2025** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kim T năm 1968;

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Trần Thanh H, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường số A, phường D, TP., tỉnh Long An

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thùy L năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã A, huyện C, Đồng Tháp

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi T1 H1 sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã A, huyện C, Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim T2 ủy quyền cho ông Trần Thanh H trình bày:

Ngày 02/01/2023 (nhằm ngày 11/12/2022 al), bà Đặng Thị Kim T2 có cho bà Lê Thị T3 L vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, khi vay bà L8 thỏa thuận khi ra giêng hót hụi sẽ trả tiền gốc và lãi. Khi vay có lập biên nhận, biên nhận nợ do bà L1 và ký tên, bà T4 có ký tên trong biên nhận.

Đến hạn trả nợ thì bà L2 hụi bị bể không hót được nên không có tiền để trả và hứa hẹn không trả vốn gốc và không đóng lãi theo như thỏa thuận.

Vì vậy bà Đặng Thị Kim T5 cầu bà Lê Thị Thùy L3 cùng chồng là ông Bùi T1 H1 liên đới trả lại số tiền đã vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 02/01/2023 dl đến ngày 27/02/2025 (26 tháng) là 12.948.000đ.

Bị đơn bà Lê Thị Thùy L4 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi T1 H1 trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý đến khi hòa giải và xét xử, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà L4 ông H1 vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lê Thị T3 L trả cho bà Đặng Thị Kim T2 số tiền là 60.000.000 đồng và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị Kim T6 kiện yêu cầu bà Lê Thị Thùy L3 và ông Bùi T1 H1 trả số tiền 60.000.000đ và lãi, đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Lê Thị Thùy L3 có địa chỉ tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Thùy L3, ông Bùi Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông H1 theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Đặng Thị Kim T7 bà Lê Thị T3 L vay số tiền 60.000.000đ vào ngày 11/12/2022 al, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là ra giêng hót hụi sẽ trả, khi vay có

lập Biên nhận. Sau khi vay thì bà L chưa trả vốn và lãi cho bà T theo như thỏa thuận.

Bị đơn bà Lê Thị Thùy L4 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh H1, vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà T trình bày có cho bà L5 số tiền 60.000.000đ, khi vay lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay là từ ngày 11/12/2022 al đến ra giềng là khoảng tháng 01/2023 al. Khi vay tiền bà L6 viết biên nhận. Sau khi vay tiền bà L7 trả vốn và đóng lãi cho bà T8 liệu chứng cứ phía nguyên đơn đưa ra là Biên nhận nợ ghi ngày 11/12/2022 al.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

Tại khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.*

Mặc dù Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải... đề cho bà Lê Thị Thùy L4 ông Bùi T1 H1 biết nội dung mà bà T đang khởi kiện nhưng các đương sự không đến Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến về việc này.

Tuy nhiên, tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải số 16/2024/BB –HG ngày 17/05/2024, bà Lê Thị Thùy L8 xác nhận có vay của bà Đặng Thị Kim T9 gốc số tiền 60.000.000đ, nhưng không đồng ý trả vốn gốc và lãi cho bà T10 trước đây đã đóng lãi 5%/tháng được số tiền 40.000.000đ.

Như vậy, xác định được bà Lê Thị Thùy L8 vay của bà Đặng Thị Kim T11 tiền 60.000.000đ, và hợp đồng vay này là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Thùy L4 ông Bùi T1 H1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn gốc 60.000.000đ thì thấy: từ khi thỏa thuận vay đến khi giao nhận tiền do bà T12 dịch trực tiếp với bà L9 bà T13 nhà bà L10 cầu trả tiền cũng chỉ trao đổi với bà L11 không đặt vấn đề với ông H2 đơn cũng không chứng minh được việc bà L5 tiền để sử dụng vào mục đích thiết yếu chung của gia đình.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Thùy L3 và ông Bùi T1 H1 liên đới trả tiền vay 60.000.000 đồng là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất: bà T yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 02/01/2023 đến ngày 27/02/2025 (26 tháng) là 12.948.000đ.

Xét thấy, theo nội dung Giấy mượn tiền thì không ghi lãi suất, tuy nhiên nguyên đơn trình bày hai bên có thỏa thuận lãi suất và bị đơn không đóng lãi, bị

đơn có ý kiến trình bày có đóng lãi được số tiền 40.000.000đ, vì vậy lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (10%/năm). Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Lê Thị Thùy L3 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim T14

2. Buộc bà Lê Thị Thùy L3 có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Kim T2 số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và lãi 12.948.000đ (Mười hai triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng vốn lãi là 72.948.000đ (Bảy mươi hai triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: **Bà Lê Thị Thùy L3 phải nộp 3.647.000đ án phí dân sự sơ thẩm.**

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Kim T15 tạm ứng án phí đã nộp 2.130.000đ ngày 11/11/2024 theo biên lai thu số 0013757 và 300.000đ nộp ngày 10/03/2025 theo biên lai thu số 0004298 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan